

# MỘT SỐ KỸ THUẬT DẠY HỌC HIỆU QUẢ CHO HỌC SINH ĐIẾC SỬ DỤNG NGÔN NGỮ KÍ HIỆU

NGUYỄN THỊ HẰNG\*

Ngày nhận bài: 16/08/2016; ngày sửa chữa: 16/08/2016; ngày duyệt đăng: 18/08/2016.

**Abstract:** The deaf students face challenges in using both Vietnamese and sign language to learn, especially at high level education. In the article, author proposes some teaching strategies for deaf students to use sign language. These strategies have been approved its effectiveness in pilot application in helping deaf children have better results in learning.

**Keywords:** Deaf students, deaf culture, teaching techniques, sign language.

## 1. Đặt vấn đề

Nhiều nghiên cứu đã chứng minh rằng người điếc có trí thông minh và khả năng học tập như người nghe bình thường [1]. Việc sử dụng thuật ngữ “điếc” thay cho thuật ngữ “khiếm thính” với lí do bài viết này chỉ đề cập đến nhóm đối tượng trẻ mất khả năng nghe, cần sử dụng ngôn ngữ kí hiệu để giao tiếp và hướng nghiên cứu dựa theo tiếp cận mô hình văn hóa người điếc.

Phần lớn trẻ điếc được sinh ra trong các gia đình có cha mẹ là người nghe với phương thức giao tiếp chính là lời nói và hạn chế giao tiếp với trẻ bằng ngôn ngữ kí hiệu (NNKH). Vì vậy, trong quá trình phát triển, do không được tiếp xúc với môi trường có NKKH từ sớm, trẻ điếc thường có độ trễ nhất định so với các mốc phát triển ngôn ngữ theo độ tuổi. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình học tập của trẻ, và thể hiện rõ hơn ở các cấp học cao.

## 2. Đặc điểm học tập của học sinh (HS) điếc

Một đặc trưng cơ bản của HS điếc đó là cơ quan thính giác bị tổn thương dẫn đến giảm (hoặc không có) khả năng tri giác âm thanh, đặc biệt là âm thanh của ngôn ngữ. Do không nhận được thông tin từ kích thích thính giác, HS điếc thường không thể nhận thức được một cách đầy đủ về bản chất của sự vật, hiện tượng. Trong quá trình nhận thức, HS điếc thường bắt đầu ở từ cấp độ tư duy trực quan hành động. Đây là loại tư duy mà việc giải quyết nhiệm vụ được thực hiện bằng các hành động cụ thể, trong những tình huống nhất định và có thể quan sát được. Tuy nhiên, HS điếc có khả năng nhạy bén và tinh tế hơn ở cảm giác nhìn. Các em có thể “nghe được bằng mắt”, cảm thụ được âm thanh bằng xúc giác qua độ rung của bề mặt vật phát ra âm thanh [2; tr 98-99]. Như vậy, những trẻ bị điếc vẫn có khả năng

học tập mặc dù có những tác động nhất định từ sự khiếm khuyết của chức năng thính giác.

Đặc điểm học tập của HS điếc thường tập trung vào 4 loại sau: *học bằng ngôn ngữ, học bằng nhìn, học qua sự tiếp xúc với sự vật và học bằng phương tiện kĩ thuật*. Trong khi học bằng ngôn ngữ thì việc sử dụng NKKH mạnh hơn so với tiếng Việt do đây là ngôn ngữ mẹ đẻ của các em. Trí tuệ hình ảnh - không gian, kinh nghiệm do tiếp xúc với sự vật là những hình ảnh mạnh hơn ngôn ngữ nên trong quá trình giảng dạy, giáo viên (GV) cần lưu ý đến đặc điểm này. Ngoài ra theo nghiên cứu của Garner, hình ảnh hay không gian là 1 trong 8 dạng của trí thông minh (sau này ông bổ sung thêm một thuyết). Theo lí thuyết này, người ta có rất nhiều cách khác nhau dựa trên khả năng trí tuệ của mình để suy nghĩ và để học tập [3].

Mỗi cá thể có sự phát triển trí tuệ khác biệt nhau tùy theo điểm mạnh của mình, HS điếc cũng như vậy. Mỗi HS điếc đều có khả năng, kiến thức nền tảng khác nhau và khác với HS nghe bình thường. Vì vậy, khi giảng dạy cho HS điếc, GV cần lựa chọn và áp dụng các phương pháp, kĩ thuật dạy học (KTDH) khác nhau một cách linh hoạt, phù hợp với đặc điểm của các em để phát huy tối đa khả năng của mỗi người, giúp các em có cơ hội thành công trong học tập và cuộc sống.

## 3. Một số giải pháp tăng cường hiệu quả sử dụng KTDH cho HS điếc

KTDH là những biện pháp, cách thức hành động được GV sử dụng trong các trường hợp cụ thể để điều khiển quá trình dạy học (DH) và cùng với hoạt động của HS để hoàn thành các mục tiêu kiến thức cần đạt được. Hiện nay, các KTDH được sử dụng nhằm phát

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương

huy tính tích cực, sáng tạo của người học đang được triển khai ở hầu hết các trường học phổ thông trên cả nước. Có những KTDH chung, có những kĩ thuật đặc thù của từng phương pháp DH, môn học, đối tượng người học, bài viết này sẽ phân tích việc *áp dụng một số KTDH cụ thể đối với HS điếc*.

### **3.1. Nhóm kĩ thuật thiết kế:**

**3.1.1. Chia bài học thành các phần nhỏ.** Đây là kĩ thuật cơ bản trong DH dành cho HS điếc có khó khăn về học tập do rào cản sử dụng ngôn ngữ thứ hai. Do HS điếc bị hạn chế về kiến thức cơ bản nên khả năng nhận thức một vấn đề mới gặp nhiều khó khăn, vì vậy, thay vì cung cấp toàn bộ một khái niệm hay một nội dung kiến thức thì GV nên chia khái niệm, nội dung đó thành các phần nhỏ khác nhau, HS sẽ dễ dàng lĩnh hội toàn bộ kiến thức đó.

Kĩ thuật được áp dụng hiệu quả trong quá trình tìm hiểu và phát triển ngôn ngữ của trẻ điếc ở giai đoạn đầu cũng như cả quá trình học tập sau này. Việc chia nhỏ nội dung kiến thức thành các phần nhỏ, theo chủ đề, nhiệm vụ giúp GV bao quát và hỗ trợ HS trong quá trình học tập tốt hơn, đồng thời, khi áp dụng kĩ thuật này đối với các yêu cầu về đọc hiểu văn bản cũng đạt hiệu quả cao. Việc chia nhỏ kiến thức cũng cho phép HS có nhiều thời gian hơn để lĩnh hội kiến thức của môn học một cách đầy đủ và chính xác, giúp cải thiện chất lượng và nâng cao kết quả học tập.

Khi GV giới thiệu một nội dung kiến thức mới được chia thành các phần nhỏ sẽ giúp HS tìm ra một cách nào đó để tiếp nhận và tổ chức thông tin trong não bộ của các em. Khi HS bắt đầu kết nối thông tin mới với những khái niệm đã được học trước đó, HS sẽ có khả năng ghi nhớ và hiểu thông tin đó tốt hơn [4].

**3.1.2. Sử dụng sơ đồ trong DH.** Việc sử dụng sơ đồ để giải thích khái niệm có thể được sử dụng để hình ảnh hóa thông tin cho HS. Sơ đồ có thể được sử dụng để kết nối các ý tưởng khác nhau liên quan đến nội dung kiến thức trong phạm vi bài học hoặc hình ảnh hóa các thành phần chính của một văn bản/đoạn văn bản theo yêu cầu. Sơ đồ là công cụ hữu ích được sử dụng trong tất cả các môn học, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

Đối với các môn khoa học tự nhiên, việc sử dụng sơ đồ để biểu diễn các quá trình, trạng thái biến đổi của hiện tượng giúp HS quan sát và tiếp nhận đơn giản hơn. Ngoài ra, việc sử dụng sơ đồ để thể hiện sự liên quan giữa các công thức toán học giúp HS có cách nhìn tổng quan nhằm khắc phục những hạn chế của trẻ điếc là chỉ chú ý vào một điểm của bài học.

Đối với các môn xã hội, việc sử dụng sơ đồ hóa cũng giúp HS thấy được mối liên quan giữa các sự kiện trong cùng văn bản, hoặc các thành phần chính của một câu chuyện. Sơ đồ hóa văn bản cũng giúp HS hiểu và ghi nhớ tốt hơn các nội dung chính và tiến trình diễn ra của sự việc được thể hiện trong cả một văn bản dài.

Sử dụng sơ đồ là một trong các phương pháp hữu ích trong DH cho trẻ điếc để cải thiện khả năng hiểu các khái niệm được học, thấy được giữa các khái niệm có sự liên quan và kết nối với nhau.

Việc sử dụng sơ đồ trong DH được xem như làm tăng thêm khả năng “hình ảnh hóa” của một khái niệm cần cung cấp. Thông tin được tổ chức theo dạng hình ảnh hóa nhằm giúp HS điếc có một cách nhìn khác về thông tin; cũng như cung cấp cho HS cơ hội khác để lĩnh hội kiến thức theo một cách mới.

**3.1.3. Cung cấp thông tin có nghĩa và “hình ảnh hóa thông tin” cho HS.** “Hình ảnh hóa thông tin” cho HS có nghĩa là khi cung cấp một khái niệm mới, đầu tiên phải cụ thể hóa, sau đó các khái niệm cụ thể này cần được chuyển đổi dưới dạng hình ảnh cho HS. Khi HS đã có nhận thức đúng về nội dung cụ thể của khái niệm đã được “hình ảnh hóa” trước đó, GV có thể nâng lên thành các khái niệm trừu tượng hơn và được lặp lại trong chủ đề cần HS thảo luận.

Rất nhiều HS có khó khăn trong học tập do gặp khó khăn về lưu giữ thông tin đã được học. Một trong những biện pháp giảm thiểu tác động của những rào cản đó là trong lớp học GV phải “làm ngôn ngữ có tính hình ảnh”. Khi GV giới thiệu thông tin bằng hình ảnh, HS sẽ dễ dàng ghi nhớ hơn, tỉ lệ lưu giữ thông tin trong não của HS cũng tăng lên. Trong quá trình trao đổi thông tin qua lại trong lớp học, GV phải đảm bảo toàn bộ HS trong lớp học phải quan sát được quá trình trao đổi đó.

HS điếc gặp nhiều thách thức trong học tập, bởi thế, để cải thiện kết quả học tập phải khai thác tối đa khả năng tiếp nhận thông tin từ các giác quan khác của cơ thể. Do đó, nếu trong quá trình dạy học, GV “hình ảnh hóa” được khái niệm cũng làm tăng khả năng hiểu kiến thức một cách chính xác.

### **3.2. Nhóm kĩ thuật tổ chức DH và điều chỉnh:**

**3.2.1. Dạy kĩ năng (KN) ghi chú.** Sử dụng sơ đồ cũng là một kĩ thuật hiệu quả nhằm giúp HS hình thành một KN cao hơn đó là KN ghi chú. Mặc dù, ghi chú không phải là KN ưu tiên hàng đầu trong học tập đối với HS điếc nhưng các em cần biết đến KN này, đặc biệt khi học các cấp học cao hơn với các kiến thức khó hơn.

Với HS điếc, ghi chú là một thách thức không nhỏ trong quá trình học tập do phải hiểu nội dung bài học, xác định được nội dung trọng tâm và đồng thời phải ghi lại được nội dung quan trọng đó. Trong quá trình học tập, HS phải dành rất nhiều thời gian để quan sát, chú ý do GV sử dụng NNKH để truyền đạt kiến thức, giải thích nội dung bài học, nên các nội dung học tập được truyền đạt qua kênh nhìn chiếm tỉ lệ rất lớn. HS khó sắp xếp thời gian để ghi lại những nội dung cần thiết mà tránh ảnh hưởng đến việc tiếp nhận kiến thức khi quá trình truyền đạt được diễn ra liên tục. Vì vậy, GV nên nhấn mạnh và lặp lại các nội dung quan trọng cần ghi nhớ và hướng dẫn HS cách xác định thông tin quan trọng cần thiết để ghi lại. Ngoài ra, GV cũng chủ động giảm tốc độ trong quá trình dạy để HS có đủ thời gian ghi nhớ. Mặt khác GV cũng yêu cầu HS nếu có nhu cầu cần nhiều thời gian hơn cần phản hồi trực tiếp để GV có thể dừng lại trong một khoảng thời gian ngắn.

KN ghi chú trong học tập giúp HS có thể chủ động, tự tổ chức trong học tập, đọc các ghi chú cung cấp cho HS một cách học tập có tổ chức dễ dàng [5]. Không có một phương pháp “đúng nhất” trong việc dạy cho HS điếc học cách tổ chức và ghi chú, nhưng GV phải hướng dẫn cho HS cách ghi chú ở các cấp độ khác nhau vì nó sẽ trở thành KN quan trọng cần có để hiểu và ghi nhớ kiến thức sâu sắc, toàn diện sau này.

Vì vậy, KN ghi chú cần phải dạy và sử dụng thường xuyên.

**3.2.2. Mở rộng vốn từ bằng nhiều cách khác nhau.** Để HS hiểu được từ mới, tăng vốn từ vựng tiếng Việt thì khi giới thiệu từ mới, GV cần giới thiệu bằng nhiều cách khác nhau, trong các ngữ cảnh khác nhau vì việc mở rộng vốn từ sẽ giúp HS càng có cơ hội ghi nhớ từ và sử dụng từ đúng ngữ cảnh.

Tuy nhiên, việc mở rộng từ mới phải được lặp lại nhiều lần, nghĩa của từ vựng cần mở rộng phải được lặp lại ở nhiều nội dung khác nhau và được cung cấp theo nhiều cách khác nhau để HS có cơ hội thực hành sử dụng từ đó. Với từ mới, ban đầu HS phải được học từ mới trong ngữ cảnh mà đã được biết trước. Khi HS đã quen với việc sử dụng từ đó, tùy vào mục tiêu về việc sử dụng từ trong một ngữ cảnh xác định, GV có thể hướng dẫn HS sử dụng từ và cách diễn đạt phù hợp. Để hiệu quả hơn, những từ đã học cần được sử dụng trong các ngữ cảnh khác nhau trong các hoạt động hàng ngày.

Việc mở rộng vốn từ ở môi trường trường học thông qua các hoạt động, các ngữ cảnh khác nhau sẽ giúp HS có nhiều cơ hội để quan sát và thực hành sử dụng

từ theo các cách khác nhau một cách linh hoạt. Ví dụ, khi HS được học một từ trong lớp học, đầu tiên HS cần là tìm hiểu nghĩa của từ bằng cách tra từ điển, sau đó HS có thể viết được từ, nhớ được nghĩa của từ và kết nối với một hình ảnh thể hiện nghĩa của từ (nếu có). Từ đó, HS sẽ mong đợi có cơ hội sử dụng được từ một cách chính xác trong giao tiếp và tự viết câu với vốn từ đã có hoặc sử dụng từ viết câu với sự hỗ trợ của GV.

**3.2.3. Thảo luận theo các nhóm nhỏ.** Trong các lớp dành cho HS điếc thường có số lượng HS khá ít (10-15 HS), tuy nhiên để đạt hiệu quả GV cần chia HS trong lớp thành các nhóm nhỏ. Việc thảo luận theo các nhóm nhỏ mang lại nhiều ích lợi như giúp HS tập trung vào nhiệm vụ được giao cho từng nhóm và quan sát thành viên của nhóm trao đổi ý kiến qua NNKH tốt hơn. Chia lớp thành nhóm nhỏ cũng giúp GV DH hiệu quả hơn, điều chỉnh yêu cầu phù hợp với trình độ của từng nhóm HS cụ thể. Trong khi GV làm việc với một nhóm, các nhóm còn lại có thể làm việc với nhau, trao đổi và hoàn thành một nhiệm vụ được giao. Việc sử dụng các nhóm nhỏ cũng mang lại hiệu quả nếu sử dụng các HS khá/giỏi dẫn dắt nhóm. Việc hợp tác trong học tập cũng thúc đẩy khả năng độc lập cũng như khả năng làm việc nhóm trong lớp học, nhằm xây dựng nền tảng cơ bản những KN xã hội cần thiết trong cuộc sống sau này.

Một lưu ý về việc sắp xếp vị trí ngồi của nhóm thảo luận: các thành viên trong nhóm thảo luận phải có vị trí sao cho có thể quan sát hết các thành viên còn lại, đặc biệt không bị lấp sau một vật hoặc người nào đó. Cách sắp xếp lí tưởng là các thành viên ngồi theo vòng tròn. Nên sắp xếp những HS yếu ngồi gần trưởng nhóm hoặc thư kí của nhóm (người có trách nhiệm ghi lại những ý kiến thảo luận) để có thể được hỗ trợ bất kịp các thông tin đang thảo luận hoặc được nhắc khi chuyển ý trong các nội dung cần thảo luận.

**3.2.4. Đưa ra dấu hiệu trước khi chuyển nội dung.** Trong quá trình trao đổi thông tin, cần có dấu hiệu thông báo cho HS điếc nội dung hay chủ đề sẽ được chuyển tiếp tới nội dung khác. Việc chuyển tiếp các nội dung khác nhau cần lưu ý đến cách thông báo bằng kí hiệu và tốc độ. Khi chuyển ý trong giao tiếp hoặc chuyển nội dung, GV không thể chuyển một cách tức khắc mà cần đảm bảo cho tất cả HS trong lớp quan sát và xác nhận dấu hiệu chuyển tới nội dung tiếp theo.

Để thông báo cho HS về việc chuyển nội dung hoặc thông tin, GV có thể đưa ra giới hạn về thời gian để hoàn thành nhiệm vụ. Sau khi hết thời gian, yêu cầu tất cả HS chú ý quan sát, GV đưa ra nhận xét và giới thiệu tới hoạt động tiếp theo.

### 3.3. Nhóm kĩ thuật đánh giá

3.3.1. *Kĩ thuật đặt câu hỏi.* Các câu hỏi đưa ra trong lớp học nhằm kiểm tra mức độ hiểu bài của HS. Do vốn từ vựng tiếng Việt của HS còn hạn chế nên trước khi đặt câu hỏi, GV cần làm rõ nghĩa câu hỏi đảm bảo HS hiểu yêu cầu. GV phải sử dụng tốt cả kênh chữ viết và NNKH để hỏi HS. Đôi khi, với những yêu cầu khó trong câu hỏi HS hoàn toàn có khả năng trả lời, tuy nhiên câu trả lời của HS không như kì vọng của GV vì các em đã không hiểu hết câu hỏi khi chỉ đọc qua kênh chữ viết. Vì vậy, trong quá trình đưa câu hỏi, GV cũng phải chuẩn bị trước những tình huống này và có những giải thích thêm bằng NNKH. Để kiểm tra nhanh HS có hiểu câu hỏi hay không, GV cần chú ý tới nét mặt, thái độ, ngôn ngữ cơ thể, sự chú ý quan sát của HS.

GV có thể đặt câu hỏi yêu cầu cả lớp, nhóm nhỏ hoặc cá nhân trả lời nhằm mục đích xác định HS có áp dụng chính xác, giải thích đúng hay không. Các câu hỏi đưa ra cần ngắn gọn, rõ ràng và cụ thể. Ví dụ: “Em hãy nêu ra một số ứng dụng của dòng điện trong cuộc sống?” nên được thay bởi “Em hãy kể tên ứng dụng của dòng điện trong y tế, trong sản xuất, ...?”; hoặc: “Bài làm của bạn trên bảng có gì sai?” nên được thay bởi “Em hãy kiểm tra lại công thức áp dụng trong bài làm của bạn có gì sai? Và công thức đúng là gì?”. Trong câu hỏi kiểm tra khả năng ghi nhớ kiến thức, GV nên sử dụng các câu hỏi có từ để hỏi: Cái gì, ai, khi nào, ở đâu, tại sao, như thế nào, để nhằm cụ thể hóa yêu cầu. Cần chú ý, các câu hỏi phải sử dụng đa dạng và phù hợp với trình độ của từng HS trong lớp.

Trong quá trình hỏi và trả lời, GV phải dành một khoảng thời gian nhất định để chờ HS trả lời, ít nhất là 30 giây với câu hỏi đơn giản.

Các câu hỏi phải đưa ra có trình tự. Trước hết là câu hỏi yêu cầu HS hồi tưởng lại kiến thức đã học, sau đó chuyển sang những câu hỏi về hiểu và áp dụng. Ví dụ: Với hình tam giác. Đây là hình gì? Có mấy cạnh? Chiều dài của cạnh (lần lượt 3 cạnh) bằng bao nhiêu? Công thức tính chu vi của hình này là gì?

Các câu hỏi phải dành cho tất cả các HS trong lớp, không chỉ tập trung vào HS khá giỏi mà GV biết có khả năng trả lời chính xác. Khi kiểm tra, GV yêu cầu từng cá nhân trả lời, không nên yêu cầu trả lời đồng loạt chung chung, do các HS yếu không tự đưa ra câu trả lời sẽ quan sát rất nhanh và trả lời theo phương án của các bạn khác.

Các câu hỏi kiểm tra tốt nhất là câu hỏi “mở”, yêu cầu HS cung cấp thông tin cụ thể, tránh câu hỏi đóng dạng có/không. Độ khó của câu hỏi sẽ được nâng

dần, ban đầu là các câu hỏi liên quan trực tiếp đến nội dung của kiến thức đã học, sau đó sẽ tăng lên các câu hỏi mở rộng, đòi hỏi HS phải linh hoạt và vận dụng được liên kết được với kiến thức được học với trường hợp rộng lớn hơn.

GV cũng cần tránh hỏi HS là “các em biết gì”. Ví dụ: “Em có biết làm bài tập này không?” nên thay bởi “Công thức tính chu vi hình tam giác là gì?”

Một kĩ thuật rất tốt để kiểm tra HS hiểu đúng nội dung kiến thức hay không mà không cần phải đưa ra câu hỏi “Em có hiểu không?”, đó là yêu cầu HS nhắc lại nội dung đó bằng cách sử dụng vốn từ và cách diễn đạt của chính HS. Bằng cách này, GV có thể kết luận lại với HS từ một vấn đề ban đầu có thể tiếp cận theo nhiều hướng khác nhau nhưng dù tiếp cận theo cách nào thì việc quan trọng là phải hiểu chính xác nội dung, thông tin đã cho.

3.3.2. *Đánh giá tổng kết.* Hoạt động này được sử dụng qua các bài kiểm tra sau khi kết thúc một chương, một học kì, năm học. Các bài kiểm tra thường được sử dụng trên giấy với hai hình thức là trắc nghiệm và tự luận.

Đối với HS điếc, phụ thuộc vào yêu cầu của môn học, GV giảng dạy các em cũng hoàn thành các bài kiểm tra trên giấy như HS bình thường. Qua các bài kiểm tra này, ngoài việc kiểm tra về khả năng hiểu và vận dụng kiến thức, GV cũng có thể nhận xét về khả năng diễn đạt bằng tiếng Việt viết qua các câu, đoạn văn. Và tùy vào trường hợp để có những điều chỉnh trong đánh giá.

Ngoài ra, trong các đề kiểm tra viết, GV bổ sung thêm các hình ảnh vào các câu hỏi, để HS có thể hiểu câu hỏi dễ dàng hơn. Ở một số nội dung, môn học, GV có thể thay thế yêu cầu HS viết trên bài kiểm tra bằng cách sử dụng NNKH để trả lời các câu hỏi hoặc thuyết trình nội dung theo yêu cầu. Hoặc thay thế hình thức trả bài viết thì HS có thể nộp sản phẩm.

Để đánh giá khách quan và chính xác từng HS, GV cần theo dõi quá trình học tập và tiến bộ của HS trong ít nhất một học kì. Mỗi lớp HS điếc thường giới hạn từ 10-15 HS nên việc theo dõi từng HS không phải là nhiệm vụ quá khó với GV. Việc theo dõi này sẽ giúp GV có những điều chỉnh phù hợp nhằm khai thác điểm mạnh của từng HS trong lớp ở các nội dung học tập tiếp theo và quá trình dạy - học sẽ mang lại những kết quả tích cực.

\*\*\*

Thực tiễn DH dành cho đối tượng HS điếc cho thấy, cần áp dụng linh hoạt các phương pháp, KTDH  
(Xem tiếp trang 124)

được trau dồi những năng lực và phẩm chất như sau: Trang bị kiến thức chuyên môn; trau dồi những kiến thức, KN trong việc dạy học cho TKT; đặc biệt là kiến thức tổng quát về các môn “Tâm lí học”, “GD đặc biệt”, “Sức khỏe tâm thần”, xây dựng và thực hiện kế hoạch cá nhân cho TKT; GV cần thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học và tổ chức các hoạt động; tạo nên những giờ học lôi cuốn, thu hút trẻ; tổ chức, xây dựng vòng kết nối bạn bè cho TKT; xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị và đồ dùng học tập. Bên cạnh đó, GV cần có các KN thực hành AN như: Đàn, hát, vận động theo nhạc, biểu diễn và tổ chức trò chơi AN một cách thành thạo. Do đó, xây dựng đội ngũ GV có kiến thức cơ bản về GD AN cho TKT và có những phẩm chất nói trên là một nhiệm vụ quan trọng trong sự nghiệp GD nghệ thuật nói riêng, sự nghiệp GD nói chung.

\*\*\*

HEĐAN đem đến cho TKT những cái đẹp, sự tiến bộ và nhẹ nhàng phê phán những cái xấu, tạo cho trẻ một trạng thái tâm hồn hết sức thanh thản, hồn nhiên và trong sáng. Khi tham gia HEĐAN với cô, với bạn ở lớp, TKT tìm được niềm vui, sự hồn nhiên, nhí nhảnh theo đúng đặc điểm tâm sinh lí của mình. Việc sử dụng AN để trị liệu cho TKT là một cách làm hiệu quả, giúp TKT thư giãn, phát triển KN giao tiếp - xã hội, điều chỉnh

hành vi; đồng thời giúp chúng ta tiếp cận, tương tác và hiểu hơn về TKT.

Tổ chức HEĐAN trong GDHN cho TKTMN cần được xã hội hoá một cách triệt để, mức độ xã hội hoá càng cao thì hiệu quả GD càng lớn. Ngoài HEĐAN ở trường, gia đình cũng phải là một môi trường sinh hoạt AN lành mạnh, thường xuyên cho TKT được cùng tham gia và trải nghiệm để các em nhanh được hòa nhập trong cộng đồng. Marianne Wiersema - Horus/Muziek Speciaal đã nói “GD AN theo một cách đặc biệt là một món quà đặc biệt cho trẻ có nhu cầu đặc biệt”. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Xuân Hà (1998). *Giáo dục Hoa Kỳ - Món nợ lớn đối với thế hệ trẻ*. NXB Giáo dục.
- [2] *Luật Người khuyết tật*, số 51/2010/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- [3] *Luật Giáo dục*, số 38/2005/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- [4] Nguyễn Văn Thọ (2009). *Liệu pháp âm nhạc và ứng dụng liệu pháp tâm lí âm nhạc trong điều trị bệnh tâm thần*. NXB Y học Hà Nội.
- [5] Nguyễn Minh Anh (2014). *Ứng dụng nghệ thuật trị liệu trong hoạt động với trẻ mầm non hòa nhập*. Kỷ yếu hội thảo khoa học Giáo dục hòa nhập - Lí luận và thực tiễn”. Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP. Hồ Chí Minh tr 37-38.

## Một số kĩ thuật dạy học hiệu quả...

(Tiếp theo trang 108)

khác nhau phù hợp với đặc điểm học tập của các em. Để quá trình DH đạt kết quả tốt, GV cần tập trung khai thác KTDH mang yếu tố “hình ảnh hóa kiến thức” và có KN sử dụng song ngữ (NNKH và tiếng Việt) để thu hút sự chú ý và tạo hứng thú học tập cho HS. Trên đây là một số KTDH đã được áp dụng trong thực tế giảng dạy và mang lại những kết quả tích cực. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Holden-Pitt, L. - Albertorio, J. (1998). *Thirty years of the Annual Survey of Deaf and Hard-of-Hearing Children and Youth: A glance over decades*. American Annals of the Deaf.
- [2] Nguyễn Xuân Hải (2009). *Giáo dục học trẻ khuyết tật*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Howard Gardner (2011). *Frames of Mind: The Theory of Multiple Intelligences*. NXB Basic Books Inc.
- [4] Lê Văn Hồng (chủ biên) (2009). *Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Donna Walker Tileston (2005). *10 best teaching practices*. NXB Corwin Press.

## Dạy học cho học sinh điếc...

(Tiếp theo trang 112)

Sư phạm Trung ương sẽ là một hướng đi đột phá, góp phần tháo gỡ những tồn tại này.

Đề án cũng khẳng định thêm năng lực hoạt động của các GV tham gia vào hoạt động giáo dục đặc biệt; tăng cường sự tham gia, chia sẻ kinh nghiệm của các GV,... trong Trường. Mô hình này mở ra triển vọng HS điếc sau khi học hết trung học phổ thông có thể thi vào các khoa đào tạo nghề nghiệp trình độ trung cấp, cao đẳng của nhà trường. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Hòa nhập trẻ có nhu cầu đặc biệt trong giáo dục vào các trường học (2006). *Tài liệu dành cho giáo viên (Including children with special learning needs in all schools)*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] Audrey C. Cooper - Samuel L. Weber (2015). *Tài liệu hướng dẫn nhóm hỗ trợ gia đình*. Dự án Giáo dục trẻ điếc trước tuổi đến trường (IDEO), tr 49-50.
- [3] Kirstin Bostelmann - Vivien Heller (2007). *Tăng cường và hỗ trợ giao tiếp*. NXB Đại học Huế.
- [4] Bùi Văn Huệ (chủ biên) (2003). *Tâm lí học xã hội*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.